

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 5 - 2021

V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Toàn

2. Ông Vũ Tiến Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Th, tỉnh Th

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Th, tỉnh Th tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Th, tỉnh Th xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2021/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Lê Đức M**, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: tổ dân phố B, thị trấn D, huyện T, tỉnh Th. (*Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1980;

Nơi ĐKKHTT: Tập thể xí nghiệp may mặc, tổ 15, phường Q, thành phố Th, tỉnh Th.

Nơi cư trú cuối cùng trước khi bỏ đi: Số nhà 62/02, ngõ 439, đường L, tổ 09, phường Tr, thành phố Th, tỉnh Th. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Đức M trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau: Anh và chị Lê Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Th. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở cùng gia đình chồng đến tháng 4/2002 vợ chồng chuyển lên ở cùng nhà mẹ vợ tại tổ 15 (tổ 26 cũ) phường Q, thành phố Th. Đến năm 2011 gia đình thuê nhà ở tại số 62/02, đường L, tổ 09 (tổ 13 cũ), phường Tr, thành phố Th, tỉnh Th. Quá trình vợ chồng chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không thống nhất trong làm ăn kinh tế và cách nuôi dạy con nên thường hay xảy ra cãi cọ, xô sát nhau. Năm 2016 anh đi tàu vận tải biển, cô H ở nhà vay tiền của nhiều người mang cho người khác vay lại dẫn đến thua lỗ, nợ nần nhiều anh phải trả nợ thay, tuy anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng cô H không nghe dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Đến tháng 4/2017, cô H tự ý bỏ nhà đi khỏi địa phương không liên lạc và không ai biết cô H ở đâu. Sau 02 năm cô H bỏ đi biệt tích, anh làm đơn đề nghị và Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình đã có Quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2020/QĐST-VDS ngày 18/12/2020 tuyên bố cô Lê Thị H mất tích, đến nay không có tin tức gì về cô H. Anh M nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là Lê Việt A, sinh ngày 02/6/2002 (đã trưởng thành) và Lê Thị Phương A1, sinh ngày 07/8/2011. Ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Lê Thị Phương A1, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện thu nhập của anh trung bình khoảng 11.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống anh và chị H không có tài sản chung, không có vay nợ chung gì của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, nhưng chị Lê Thị H đã bỏ đi biệt tích nên không có lời khai.

* Tại biên bản xác minh ngày 17/3/202 bà Tô Thị S, sinh năm 1950. Trú tại: số nhà 62/02, ngõ 439, đường L, tổ 09, phường Tr, thành phố Th là mẹ đẻ chị Lê Thị H cung cấp: Con gái bà là Lê Thị H kết hôn với anh Lê Đức M tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Th (nay là thị trấn D), huyện T, tỉnh Th. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Th đến đầu năm 2002 thì chuyển lên

sinh sống cùng bà tại tổ 15, phường Q, thành phố Th, năm 2011 cả gia đình thuê nhà tại tổ 09, phường Tr, thành phố Thái Bình theo địa chỉ trên ở đến nay. Trong thời gian vợ chồng M H chung sống có xảy ra mâu thuẫn do không thống nhất với nhau về cách làm ăn kinh tế và nuôi dạy con. Năm 2017 do vợ chồng mâu thuẫn, anh M đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở T sinh sống, còn chị H và các con vẫn ở cùng tôi, đến tháng 4/2017 thì H bỏ nhà đi không thông báo cho ai biết, từ đó đến nay không liên lạc và không có tin tức gì của H. Anh M đã làm đơn và ngày 18/12/2020 Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình đã có quyết định tuyên bố chị Lê Thị H mất tích, đến nay gia đình không có tin tức của H. Nay anh M có đơn xin ly hôn với chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh M, chị H có hai con chung là Lê Việt A, sinh ngày 02/6/2002 và Lê Thị Phương A1, sinh ngày 07/8/2011. Cháu Việt A ở cùng bố hiện đã trưởng thành, còn cháu Phương A1 ở cùng tôi, nếu ly hôn, anh M có nguyện vọng nuôi con Phương A1 tôi cũng đồng ý vì từ khi bỏ đi đến nay H không liên lạc gì với gia đình, con cái. Vợ chồng anh M, chị H không có tài sản chung, không vay nợ chung tài sản của ai và cũng không cho ai vay tài sản gì.

* Bà Tô Thị H, sinh năm 1951. Trú tại: tổ dân phố B, thị trấn D, huyện T, tỉnh Th là mẹ đẻ anh Lê Đức M cung cấp: Về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng M H chung sống như anh M trình bày là đúng. Tôi biết vợ chồng 02 con chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính do hai bên không thống nhất được với nhau về cách làm ăn kinh tế và nuôi con dẫn đến va chạm cãi vã nhau. Tôi có nghe M nói khoảng năm 2016 H vay mượn tiền nợ của nhiều người, đến năm 2017 thì H đã bỏ nhà đi đâu không rõ, từ đó đến nay H không liên lạc với gia đình không ai biết tin tức của H. Năm 2020, M gửi đơn và Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình đã ra Quyết định số 04/2020/QĐST-VDS ngày 18/12/2020 tuyên bố Lê Thị H mất tích. Nay M xin ly hôn với H, gia đình thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng kéo dài, H bỏ đi không liên lạc, không quan tâm đến gia đình chồng con nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

* Tại biên bản xác minh ngày 17/3/2021, ông Nguyễn Xuân Tr là tổ trưởng tổ dân phố số 09, phường Tr, thành phố Thái Bình cung cấp: Vợ chồng anh Lê Đức M, chị Lê Thị H cùng bà Tô Thị S (là mẹ đẻ chị H) thuê nhà tại tổ 09, phường Tr, thành phố Thái Bình sinh sống cùng nhau từ nhiều năm trước. Đến khoảng năm 2017, chị H bỏ nhà đi khỏi địa phương không ai biết chị H đi đâu, làm gì, từ đó đến nay chị H không về, địa phương không ai biết chị H ở đâu và không có thông tin gì về chị H. Quá trình vợ chồng chung sống tại địa phương do không ai thông báo lại nên không nắm được mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh M. Nay anh M có đơn xin ly hôn chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Vợ chồng anh M, chị H có hai con chung là Lê Việt A, sinh ngày 02/6/2002 và Lê Thị Phương A1, sinh ngày 07/8/2011. Khi chị H bỏ đi, cháu Việt A ở cùng bố đến nay đã trưởng thành, còn cháu Phương A1 ở với bà

ngoại học lớp 4, trường tiểu học K, thành phố Th. Nếu ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật và nguyện vọng để giải quyết. Vợ chồng anh M, chị H có tài sản gì chung hoặc nợ chung hay không địa phương không rõ, không thấy ai đến đòi nợ.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên:***

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- *Về nội dung:*

Quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Lê Đức M ly hôn với chị Lê Thị H.

Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị xử giao con chung là Lê Thị Phương A1, sinh ngày 07/8/2011 cho anh Lê Đức M trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh M không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản: Do anh M không yêu cầu giải quyết về tài sản, chị H không có lời khai nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã niêm yết, triệu tập các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn chị Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn anh Lê Đức M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Đức M và chị Lê Thị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không thống nhất với nhau trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt mâu thuẫn kéo dài không tự dàn xếp được với nhau. Do mâu thuẫn, năm 2017 anh M bỏ về nhà mẹ đẻ ở, chị H cũng bỏ đi biệt tích, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Anh M có đơn yêu cầu và tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2020/QĐST-VDS ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình đã tuyên bố chị Lê Thị H mất tích, song đến nay không có tin tức gì của chị H. Như vậy, hôn nhân giữa anh Lê Đức M và chị

Lê Thị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Lê Đức M ly hôn chị Lê Thị H là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh M, chị H có hai con chung là Lê Việt A, sinh ngày 02/6/2002 (đã thành niên, tự lập và phát triển bình thường) và Lê Thị Phương A1, sinh ngày 07/8/2011. Ly hôn, anh M có nguyện vọng trực tiếp nuôi con Phương A1, phù hợp với nguyện vọng của cháu Phương A1 muốn ở cùng bố. Vì vậy giao cho anh M trực tiếp nuôi con Lê Thị Phương A1 là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản: Anh M không yêu cầu giải quyết về tài sản, chị H bỏ đi không có lời khai và nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Lê Đức M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147, Điều 235; Điều 238; 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Lê Đức M và chị Lê Thị H.

2. Về con chung:

2.1. Xử giao con Lê Thị Phương A1, sinh ngày 07/8/2011 cho anh Lê Đức M trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

2.3. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Đức M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Lê Đức M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình theo biên lai thu số 0000083 ngày 02/02/2021 thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (anh Lê Đức M và chị Lê Thị H) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Bình.
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND thị trấn D, huyện T, tỉnh Th).
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Hồng Sơn